

Bản án số: 10/2021/KDTM-ST
Ngày 31 tháng 12 năm 2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Ba

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận

Bà Nguyễn Thị Hồng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Anh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, Tòa án xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2021/TLST-KDTM ngày 12 tháng 7 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST-KDTM ngày 29/11/2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** **Ngân hàng TMCP V** – Địa chỉ: Số 89 đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Tầng 4, số 112 đường P, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật ngân hàng, SME và cá nhân, VPBank Hội sở, theo văn bản ủy quyền số: 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/07/2020.

Đại diện theo ủy quyền để tham gia tố tụng là ông Trần Đình L – Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ. Theo Giấy ủy quyền 1145/2021/UQ –VPB ngày 29/4/2021. Có mặt.

** Bị đơn: Công ty TNHH MTV T- Địa chỉ: K21/H61/1 đường Nguyễn Văn H, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng.*

Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Thành A - Chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt không có lý do.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông **Nguyễn Thành A** - Sinh năm 1985 - Địa chỉ: K65/202 đường T, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt không có lý do.

+ Bà **Nguyễn Thị Thanh T** - Sinh năm 1983 - Địa chỉ: Số 53 đường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, tại các bản tự khai và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng ông Trần Đình L trình bày:**

Ngày 03/1/2020 Công ty TNHH MTV T(Viết tắt là Bên vay) có ký giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản đảm bảo số 0301284369675-01-SME với Ngân hàng TMCP V (Viết tắt là Ngân hàng), để Công ty TNHH MTV T được sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế, hạn mức thẻ tín dụng là 250.000.000đ cho tài khoản thấu chi số SME/DMA/18/0001/HĐHMTTC, thời hạn hạn mức thẻ tín dụng là 60 tháng, lãi suất trong hạn là 25%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Công ty TNHH MTV T đã sử dụng thẻ tín dụng phát sinh với số tiền là 249.999.946đ (Hai trăm bốn mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín ngàn chín trăm bốn mươi sáu đồng) vào ngày 05/1/2018.

Ngày 03/1/2020 Công ty TNHH MTV T tiếp tục ký hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số SME/DMA/18/0001/HĐHMTTC với Ngân hàng TMCP V, để Công ty TNHH MTV T được sử dụng hạn mức thấu chi tài khoản với hạn mức thấu chi là 500.000.000đ, thời hạn duy trì hạn mức thấu chi là 12 tháng, mục đích vay bổ sung vốn hoạt động buôn bán thiết bị điện gia dụng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng là 22.5%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn. Thời hạn trả nợ gốc chậm nhất vào ngày kết thúc thời hạn duy trì hạn mức thấu chi, trả lãi định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Công ty TNHH MTV T đã sử dụng tài khoản thấu chi phát sinh số tiền gốc là 489.178.694đ (Bốn trăm tám mươi chín triệu một trăm bảy mươi tám ngàn sáu trăm chín mươi tư đồng).

Ngày 08/06/2020 giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty TNHH MTV T có kợp đồng cho vay hạn mức số DNA/20117, hạn mức cho vay là 750.000.000đ (Bảy trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng, mục đích vay để bổ

sung vốn lưu động cho hoạt động buôn bán thiết bị điện gia dụng, lãi suất cho vay trong hạn được Ngân hàng và bên vay thỏa thuận theo cung cầu vốn thị trường, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, và các khoản phí liên quan đến khoản vay. Thời hạn thanh toán tiền gốc và lãi theo đúng thời hạn quy định tại các khế ước nhận nợ.

Trên cơ sở hạn mức cho vay nói trên, ngày 09/01/2020 Ngân hàng và Công ty TNHH MTV T ký khế ước nhận nợ số DNA/20117-01, để cho Công ty TNHH MTV T vay số tiền là 749.000.000đ (Bảy trăm bốn mươi chín triệu đồng), thời hạn cho vay là 6 tháng, mục đích vay để thanh toán tiền hàng, lãi suất cho vay trong hạn là 19,2%/năm, đây là mức lãi suất cho vay trong hạn được cố định trong vòng 01 tháng kể từ thời điểm giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng, lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng 01 lần, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 09/07/2020. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng lãi suất bán vốn của ngân hàng do hội sở chính áp dụng đối với khoản giải ngân có ký hạn là 6M và kỳ điều chỉnh lãi suất là 01M tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 12%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Thời hạn thanh toán tiền gốc trả một lần khi kết thúc thời hạn vay. Trả lãi hàng tháng định kỳ vào ngày 19, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 19/07/2020.

Tổng số tiền gốc mà Công ty TNHH MTV T đã vay là 1.488.178.640 (Một tỷ bốn trăm tám mươi tám triệu một trăm bảy mươi tám ngàn sáu trăm bốn mươi đồng).

Để đảm bảo cho ba khoản vay trên của Công ty TNHH MTV T, ông Nguyễn Thành A đã ký với Ngân hàng các hợp đồng bảo lãnh số DNA/2019 ngày 09/6/2020, hợp đồng bảo lãnh số 0301184369675-01-SME/HĐBL ngày 3/1/2018 và hợp đồng bảo lãnh số 030118-4369675-01-SME/HĐBL ngày 3/1/2018, các hợp đồng bảo lãnh thể hiện ông Nguyễn Thành A thống nhất trong trường hợp Công ty TNHH MTV T không thanh toán được các khoản nợ theo giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản đảm bảo số 0301284369675-01-SME ngày 3/1/2018, hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số SME/DNA/18/0001/HDHMTTC ngày 03/01/2018 và khế ước nhận nợ lần 01/ số DNA/20117-01 ngày 9/6/2020, thì ông Nguyễn Thành A đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty TNHH MTV T trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ, được hiểu bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản thế chấp và tất cả các nghĩa vụ khác của Công ty TNHH MTV T đối với bên Ngân hàng, phát sinh từ khoản nợ theo giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản đảm bảo số 0301284369675-01-SME ngày 3/1/2018, hợp đồng cho vay hạn

mức thấu chi tài khoản số SME/DNA/18/0001/HDHMTTC ngày 03/01/2018 và khế ước nhận nợ lần 01/ số DNA/20117-01 ngày 9/6/2020, giữa Công ty TNHH MTV T và bên Ngân hàng bao gồm cả phục lục, văn bản sửa đổi, bổ sung các khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

Tính đến ngày 10/6/2021 Công ty TNHH MTV T còn nợ Ngân hàng số tiền là 1.750.382.936đ (Một tỷ bảy trăm năm mươi triệu ba trăm tám mươi hai ngàn chín trăm ba mươi sáu đồng) trong đó nợ gốc là 1.468.361.038đ và lãi phải trả là 275.002.672đ và lãi phạt chậm trả là 7.019.226đ.

Do Công ty TNHH MTV T vi phạm nghĩa vụ thanh toán mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu Công ty phải thanh toán dứt điểm số nợ trên tuy nhiên Công ty vẫn cố tình dây dưa không trả. Nên ngày 22/06/2021 Ngân hàng TMCP V đã khởi kiện Công ty TNHH MTV T tại Tòa án nhân dân quận Thanh Khê để Tòa án buộc Công ty thanh toán số tiền nợ trên.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc Công ty TNHH MTV T phải thanh toán ngay cho Ngân hàng số tiền là 2,013,447,130đ (Hai tỷ, không trăm mười ba triệu, bốn trăm bốn bảy ngàn, một trăm ba mươi đồng) trong đó tiền gốc là 1.435.420.786đ đồng tiền lãi phát sinh tính đến ngày 31/12/2021 với số tiền là 578.026.344 gồm lãi trong hạn là 51.798.576đ lãi quá hạn là 496.670.722đ và lãi phạt chậm trả là 29.557.046đ. Lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 01/01/2022 theo các hợp đồng vay mà các bên đã ký kết cho đến khi Công ty TNHH MTV T thanh toán hết các khoản nợ.

Trong trường hợp Công ty TNHH MTV T không thanh toán được các khoản nợ theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản đảm bảo số 0301284369675-01-SME/HĐBL ngày 3/1/2018, hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số SME/DNA/18/0001/HDHMTTC ngày 03/01/2018 và khế ước nhận nợ lần 01/ số DNA/20117-01 ngày 9/6/2020, thì ông Nguyễn Thành A đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty TNHH MTV T trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ, được hiểu bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản thế chấp và tất cả các nghĩa vụ khác của Công ty TNHH MTV T đối với bên Ngân hàng theo các hợp đồng bảo lãnh mà các bên đã ký kết.

Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, nhiều lần tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và thông báo hòa giải cho bị đơn là Công ty TNHH MTV T và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thành A, bà Nguyễn Thị Thanh T nhưng Công ty TNHH MTV T, ông Nguyễn Thành A và bà Nguyễn Thị Thanh T đều không có văn bản phản hồi và cũng vắng mặt không có lý do theo giấy triệu tập của Tòa án, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho các bên đương sự được.

Tại phiên tòa lần thứ hai, Công ty TNHH MTV, ông Nguyễn Thành A và bà Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm như sau:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết, thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự, tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 51, Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết nội dung vụ án:* Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V buộc Công ty TNHH MTV T phải trả cho Ngân hàng số tiền là 2,013,447,130đ (Hai tỷ, không trăm mười ba triệu, bốn trăm bốn bảy ngàn, một trăm ba mươi đồng) trong đó tiền gốc là 1.435.420.786đ đồng tiền lãi phát sinh tính đến ngày 31/12/2021 với số tiền là 578.026.344 gồm lãi trong hạn là 51.798.576đ lãi quá hạn là 496.670.722đ và lãi phạt chậm trả là 29.557.046đ, tiếp tục tính lãi kể từ ngày 01/01/2022 theo các hợp đồng tính dụng mà các bên đã ký kết cho đến khi Công ty TNHH MTV T thanh toán hết các khoản nợ, cụ thể từng hợp đồng như sau:

Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: DNA/20117 ngày 09/06/2020 (kèm theo khế ước nhận nợ số: DNA/20117-01 ngày 09/06/2020): số hợp đồng LD2016101597, tổng cộng: 960.746.166 đồng (trong đó: Nợ gốc: 709.588.103 đồng; Lãi trong hạn: 22.836.929 đồng, lãi quá hạn: 213.751.147 đồng, lãi chậm trả lãi: 14.569.917 đồng)

* Theo hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số: DNA2018: (SME/DAN/18/001/HDHMTTC ngày 03/01/2018), tổng cộng: 663.894.128 đồng (Nợ gốc: 475.832.694 đồng; lãi trong hạn: 28.961.647, lãi quá hạn: 144.112.658 đồng, lãi chậm trả lãi: 14.987.129 đồng)

*Theo Giấy đề nghị kiểm hợp đồng kiểm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng không có tài sản đảm bảo ngày 05/01/2018, tổng cộng 388.806.836 đồng (trong đó: Nợ gốc: 249.999.946 đồng; lãi phải trả: 138.806.890 đồng)

Trường hợp Công ty TNHH MTV T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình, hoặc các tài sản không đủ để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty TNHH MTV T thì VPBank có quyền yêu cầu ông Nguyễn Thành A phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty TNHH MTV T để thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng.

Về án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty TNHH MTV T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử bị đơn Công ty TNHH MTV T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thành A và bà Nguyễn Thị Thanh T đều vắng mặt không có lý do theo giấy triệu tập; thông báo của Tòa án, Công ty TNHH MTV T, ông Nguyễn Thành A và bà Nguyễn Thị Thanh T không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, không tham gia các phiên hoà giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho các đương sự được.

Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Công ty TNHH MTV T, ông Nguyễn Thành A và bà Nguyễn Thị Thanh T nhưng bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt Công ty TNHH MTV T, ông Nguyễn Thành A và bà Nguyễn Thị Thanh T.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP V buộc Công ty TNHH MTV T phải thanh toán số tiền là 2,013,447,130đ (Hai tỷ, không trăm mười ba triệu, bốn trăm bốn bảy ngàn, một trăm ba mươi đồng) trong đó tiền gốc là 1.435.420.786đ tiền lãi phát sinh tính đến ngày 31/12/2021 với số tiền là 578.026.344đ gồm lãi trong hạn là 51.798.576đ, lãi quá hạn là 496.670.722đ và lãi phạt chậm trả là 29.557.046đ. Lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 01/01/2022 theo các hợp đồng vay mà các bên đã ký kết cho đến khi Công ty TNHH MTV T thanh toán hết các khoản nợ thì thấy:

Công ty TNHH MTV T đã ký với Ngân hàng TMCP V giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản đảm bảo số 0301284369675-01-SME ngày 3/1/2018, hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số SME/DNA/18/0001/HDHMTCTC ngày 03/01/2018 và khế ước nhận nợ lần 01/ số DNA/20117-01 ngày 9/6/2020.

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng vay Công ty TNHH MTV T đã vay tổng số tiền gốc là 1.488.178.640đ và tiền lãi phát sinh là 2.431.955.614đ, đã thanh toán được số tiền là 418.508.484đ trong đó tiền gốc là 52.757.854đ và tiền lãi là

365.750.630đ, sau đó Công ty không thanh toán thêm mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu Công ty phải trả dứt điểm một lần toàn bộ số nợ trên.

Do vậy HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với Công ty TNHH MTV T buộc Công ty TNHH MTV T phải trả cho Ngân hàng số tiền là 2,013,447,130đ (Hai tỷ, không trăm mười ba triệu, bốn trăm bốn bảy ngàn, một trăm ba mươi đồng) trong đó tiền gốc là 1.435.420.786đ tiền lãi phát sinh tính đến ngày 31/12/2021 với số tiền là 578.026.344đ gồm lãi trong hạn là 51.798.576đ, lãi quá hạn là 496.670.722đ và lãi phạt chậm trả là 29.557.046đ. Lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 01/01/2022 theo các hợp đồng vay mà các bên đã ký kết cho đến khi Công ty TNHH MTV T thanh toán hết các khoản nợ là có cơ sở đúng theo quy định tại 463, 466 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 91, Điều 98 Luật tổ chức tín dụng 2010, điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của các Tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước đối với khách hàng. Chi tiết từng hợp đồng như sau:

- Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: DNA/20117 ngày 09/06/2020 kèm theo khế ước nhận nợ số: DNA/20117-01 ngày 09/06/2020, số hợp đồng LD2016101597, tổng cộng: 960.746.166 đồng trong đó tiền gốc: 709.588.103 đồng; lãi trong hạn: 22.836.929 đồng, lãi quá hạn: 213.751.147 đồng, lãi chậm trả lãi: 14.569.917 đồng.

- Theo hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số: DNA2018: SME/DAN/18/001/HDHMTTC ngày 03/01/2018, với số tiền là 663.894.128 đồng gồm nợ gốc: 475.832.694 đồng; lãi trong hạn: 28.961.647, lãi quá hạn: 144.112.658 đồng, lãi chậm trả lãi: 14.987.129 đồng.

- Theo Giấy đề nghị kiểm hợp đồng kiểm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng không có tài sản đảm bảo ngày 05/01/2018, tổng cộng 388.806.836 đồng trong đó nợ gốc: 249.999.946 đồng; lãi phải trả: 138.806.890 đồng.

Trong trường hợp Công ty TNHH MTV T không thanh toán được các khoản nợ trên, thì ông Nguyễn Thành A đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty TNHH MTV T trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ, được hiểu bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản thế chấp và tất cả các nghĩa vụ khác của Công ty TNHH MTV T đối với bên Ngân hàng theo các hợp đồng bảo lãnh số DNA/2019 ngày 09/6/2020, hợp đồng bảo lãnh số 0301184369675-01-SME/HĐBL ngày 3/1/2018 và hợp đồng bảo lãnh số 030118-4369675-01-SME/HĐBL ngày 3/1/2018, các hợp đồng bảo lãnh mà các bên đã ký kết.

Từ những phân tích, nhận định trên HĐXX thấy cần chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết toàn bộ vụ án như đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

Vì chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí cụ thể là $[72.000.000đ + \{(2,013,447,130đ - 2.000.000.000đ) \times 2\%\}] = 72.268.942đ$ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 335 Bộ luật dân sự.

Căn cứ các Điều 91 và Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng 2010;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của các Tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước đối với khách hàng.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng TMCP V đối với Công ty TNHH MTV T.

Buộc Công ty TNHH MTV T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền là 2,013,447,130đ (Hai tỷ, không trăm mười ba triệu, bốn trăm bốn bảy ngàn, một trăm ba mươi đồng) trong đó tiền gốc là 1.435.420.786đ tiền lãi phát sinh tính đến ngày 31/12/2021 với số tiền là 578.026.344đ gồm lãi trong hạn là 51.798.576đ, lãi quá hạn là 496.670.722đ và lãi phạt chậm trả là 29.557.046đ.

Lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 01/01/2022 theo các hợp đồng vay mà các bên đã ký kết cho đến khi Công ty TNHH MTV T thanh toán hết các khoản nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Chi tiết từng hợp đồng như sau:

- Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: DNA/20117 ngày 09/06/2020 kèm theo khế ước nhận nợ số: DNA/20117-01 ngày 09/06/2020, số hợp đồng LD2016101597, tổng cộng: 960.746.166 đồng trong đó tiền gốc: 709.588.103 đồng; lãi trong hạn: 22.836.929 đồng, lãi quá hạn: 213.751.147 đồng, lãi chậm trả lãi: 14.569.917 đồng.

- Theo hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số: DNA2018: SME/DAN/18/001/HDHMTTC ngày 03/01/2018, với số tiền là 663.894.128 đồng gồm nợ gốc: 475.832.694 đồng; lãi trong hạn: 28.961.647, lãi quá hạn: 144.112.658 đồng, lãi chậm trả lãi: 14.987.129 đồng.

- Theo Giấy đề nghị kiểm hợp đồng kiểm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng không có tài sản đảm bảo ngày 05/01/2018, tổng cộng 388.806.836 đồng trong đó nợ gốc: 249.999.946 đồng; lãi phải trả: 138.806.890 đồng.

Trong trường hợp Công ty TNHH MTV T không thanh toán được các khoản nợ trên, thì ông Nguyễn Thành A đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty TNHH MTV T trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ, được hiểu bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản thế chấp và tất cả các nghĩa vụ khác của Công ty TNHH MTV T đối với bên Ngân hàng theo các hợp đồng bảo lãnh số DNA/2019 ngày 09/6/2020, hợp đồng bảo lãnh số 0301184369675-01-SME/HĐBL ngày 3/1/2018 và hợp đồng bảo lãnh số 030118-4369675-01-SME/HĐBL ngày 3/1/2018, các hợp đồng bảo lãnh mà các bên đã ký kết.

2. Án phí Dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH MTV T phải chịu là 72.268.942đ (Bảy mươi hai triệu hai trăm sáu mươi tám ngàn chín trăm bốn mươi hai đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí 32.255.744 (*Tám trăm bốn mươi chín ngàn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 9399 ngày 09/07/2021.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu Ba